

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày: 21 – 01 – 2021
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và nợ hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đạt
2. Ông Trương Thanh Giảng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2020/TLST-DS Ngày 03 tháng 11 năm 2020: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị Thúy V, sinh năm 1976, có mặt.

Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hồng H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 5, ấp R, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thúy L, sinh năm 1971, có mặt.

Ông Phạm Duy M, sinh năm 1968, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp S, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn- ông Mai Hồng H trình bày như sau:

Ngày 22/02/2020 (âm lịch) nhằm ngày 10/3/2020 (dương lịch) bà L cùng chồng là ông M có nhờ bà V hỏi mượn dùm 30.000.000đ để trả tiền vật tư cất nhà, sau đó hai vợ chồng có qua nhờ bà V hỏi mượn thêm 10.000.000đ, hứa bán cá có tiền sẽ trả lại để

bà V trả lại cho người khác. Bà L có qua đóng lãi cho được 02 lần với số tiền là 2.000.000đ (của số tiền 10.000.000đ), tới nay đã 02 tháng bà L không đóng lãi cũng như không trả gốc cho bà V.

Ngoài ra bà V có tổ chức góp vốn bằng hình thức chơi hội, khai ngày 09/4 (âm lịch) nhằm ngày 01/5/2020, bà L tham gia 03 phần hội đóng được 06 lần thì bà hốt hết ba phần. Sau đó không đóng nữa khi kết thúc hội bà V đối chiếu sổ sách thì bà L còn nợ 25 ngày x 300.000đ/ 03 phần = 7.500.000đ, mặc dù bà V có nhắc bà L nhiều lần nhưng bà không chịu đóng trả nợ. Tổng số tiền mượn và nợ hội là 47.500.000đ, bà V có qua nhà yêu cầu bà L trả tiền, nhưng bà L cố tình tránh né, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà V yêu cầu bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M liên đới trả số tiền còn nợ là 47.500.000đ và lãi suất theo quy định đến khi bà L, ông M thanh toán đủ tiền. Tiền lãi được khấu trừ số tiền đã đóng lãi được 2.000.000đ của khoản tiền 10.000.000đ.

Bị đơn bà Trần Thúy L trình bày:

Ngày 10/3/2020 vợ chồng bà có vay của bà Thúy V tổng cộng 30.000.000đ, lãi mỗi ngày 8.000đ/ 1.000.000đ.

Ngoài ra vợ chồng bà có tham gia chơi hội của bà V, còn nợ tiền hội bà V là 7.500.000đ.

Vợ chồng bà có đóng lãi đến đầu tháng 5/2020 (âm lịch) thì không đóng nữa. Lãi mỗi ngày đóng 8.000đ/ 1.000.000đ nhưng quá trình đóng lãi vợ chồng bà đưa tiền cho bà V chứ không có làm biên nhận.

Còn số tiền 10.000.000đ là do bà V sang nhà đánh chồng bà (ông M) và bắt chồng bà làm biên nhận ngày 10/9/2020 (âm lịch), nhưng thực tế số tiền vay 10.000.000đ là trước đó nhưng không nhớ cụ thể là ngày nào. Khi nhận tiền 10.000.000đ là do bà V đưa, nhưng khi làm giấy là mượn của bà N (là bà P). Hiện nay giấy mượn do bà N đang giữ, nên vợ chồng bà thừa nhận còn thiếu 10.000.000đ của bà N, chứ không phải nợ của bà Thúy V.

Tại phiên tòa, bà L thống nhất nợ bà V tiền vay 40.000.000đ và tiền hội 7.500.000đ. Yêu cầu khấu trừ số tiền 2.000.000đ mà vợ chồng bà đã đóng tiền lãi cho chị V.

Cách trả nợ: Do làm ăn khó khăn nên hiện nay chưa có khả năng trả một lần, mong bà V tạo điều kiện để vợ chồng bà làm ăn để trả dần.

Bị đơn ông Phạm Duy M trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau:

Ngày 10/3/2020 vợ chồng ông có vay của bà Thúy V tổng cộng 30.000.000đ, lãi mỗi ngày là 8000đ/ 1.000.000đ.

Ngoài ra vợ ông (bà L) còn tham gia chơi hội của bà V, hiện còn nợ là 7.500.000đ, vợ ông đóng lãi đến đầu tháng 5/2020 thì không đóng nữa. Với số tiền lãi

đã đóng vợ ông chỉ đưa tiền cho bà V chứ không có làm giấy tờ gì.

Cách trả nợ: Do hiện nay làm ăn khó khăn nên chưa có khả năng trả cho bà V, mong bà V tạo điều kiện để vợ chồng ông làm ăn trả dần.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Ông Phạm Duy M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét về quan hệ pháp luật: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà V yêu cầu bị đơn bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M liên đới trả số tiền vay là 40.000.000đ và nợ hui là 7.500.000đ, tổng cộng là 47.500.000đ là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Phía bà L, ông M cũng thừa nhận vợ chồng ông, bà có vay và tham gia chơi hui hiện còn nợ bà V số tiền nêu trên. Vì vậy, cần buộc vợ chồng bà L ông M liên đới trả cho bà V số tiền còn nợ là 47.500.000đ.

[4] Xét yêu cầu của bà L, ông M về việc xin trả dần số nợ là không có cơ sở chấp nhận được, do yêu cầu của ông, bà không được bà V đồng ý. Hơn nữa Bộ luật dân sự cũng không quy định thời gian trả chậm nếu các đương sự không có thỏa thuận.

[5] Bà L, ông M trình bày: Vợ chồng ông, bà phải đóng lãi các khoản tiền vay là 8000đ/ 1.000.000đ và ông, bà đã đóng lãi đến tháng 5/2020 thì không đóng nữa. Xét thấy lời trình bày của bà L, ông M là có căn cứ để chấp nhận một phần, bởi lẽ: Bà V thừa nhận bà L, ông M có đóng lãi được số tiền là 6.800.000đ, mặc dù phía bà L, ông M không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày về số lãi mà mình đã đóng, nhưng HĐXX ghi nhận lời trình bày của bà V về tiền lãi mà bà L, ông M đã đóng.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn bà V là có cơ sở chấp nhận, các bên đều thừa nhận bằng miệng là ngày ngày 22/02/2020 (âm lịch) nhằm ngày 10/3/2020 (dương lịch), bà L có vay của bà V số tiền là 30.000.000đ (không có thể hiện bằng văn bản) nên cần tính lãi từ ngày 10/3/2020 đến 21/01/2021 nên bà L, ông M phải trả tiền lãi cho bà V là 5.183.400đ.

Đối với khoản vay ngày 10/9/2020 (âm lịch) tức ngày 26/10/2020 (dương lịch) đến ngày 21/01/2021, số tiền vay là 10.000.000đ, thì số tiền lãi bà L, ông M phải trả cho bà V là 472.400đ, tổng cộng của hai khoản lãi là 5.655.800đ được khấu trừ số tiền 6.800.000đ mà bà L, ông M đã thanh toán cho bà V. Như vậy, bà L ông M được trừ số

tiền đóng lãi vượt quá quy định vào số tiền gốc là: 6.800.000đ – 5.655.800đ = 1.144.200đ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L, ông M bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí.

Bà Tô Thị Thúy V được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Tuyên xử:

1/ Buộc: Bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M có nghĩa vụ trả số tiền 46.355.800đ (Bốn mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, tám trăm đồng) cho bà Tô Thị Thúy V.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.317.790đ (Hai triệu, ba trăm mười bảy, bảy trăm chín mươi đồng).

Bà Tô Thị Thúy V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.187.500đ (Một triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) theo lai thu số 0000281 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

3/ Báo cho bà Tô Thị Thúy V, bà Trần Thúy L được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/01/2021). Ông M có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thị Hành án Dân sự H. KL ;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Minh